

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về Dự án

Hung Yên là một tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, Việt Nam. Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Hưng Yên cách Thủ đô Hà Nội 54 km về phía đông nam, cách thành phố Hải Dương 50 km về phía tây nam. Trong quy hoạch xây dựng phát triển đô thị Việt Nam, tỉnh Hưng Yên thuộc vùng Thủ đô Hà Nội. Với lợi thế về vị trí địa lý là nằm giữa ba thành phố lớn Hà Nội, Hải Dương và Nam Định, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía bắc và là một trong hai tỉnh Bắc Bộ có địa hình hoàn toàn đồng bằng, không có rừng, núi, biển, Hưng Yên ngày càng phát triển về kinh tế.

Sumitomo là một trong những Tập đoàn thương mại lớn nhất của Nhật Bản. Lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn bao gồm các ngành: tài chính ngân hàng, sắt thép, thông tin, thiết bị toàn bộ, hóa học, dầu khí, đầu tư Đầu tư xây dựng và phát triển các Khu Công Nghiệp (KCN) là một lĩnh vực đang được Tập đoàn phát triển tại Việt Nam. Tính tới thời điểm hiện tại, Tập đoàn Sumitomo đã đầu tư xây dựng thành công các KCN ở Việt Nam gồm KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội, KCN Thăng Long II, tỉnh Hưng Yên và KCN Thăng Long Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Công ty TNHH KCN Thăng Long II (Công ty TLIPII) là chủ đầu tư của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) tại tỉnh Hưng Yên. Công ty TLIPII đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận (GCN) đầu tư số 052 02 2 000 007 lần đầu ngày 17/11/2006 và thay đổi lần thứ 8 ngày 10/9/2014 và Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ 10 nội dung đăng ký kinh doanh của Giấy chứng nhận Đầu tư) ngày 26/12/2019. KCN Thăng Long II có tổng diện tích 345,2 ha nằm tại huyện Mỹ Hào và huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên gồm KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) diện tích 219,6 ha và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) diện tích 125,6 ha. Tính tới thời điểm nay, KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) đã lấp đầy 100% trong khi nhu cầu thuê đất để hoạt động sản xuất kinh doanh từ các đối tác ngày càng tăng nên Công ty TLIPII đã quyết định lập Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)” tại thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (gọi tắt là Dự án). Ngày 25/12/2020, KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3) đã được Thủ tướng Chính Phủ chấp nhận bổ sung vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 tại văn

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

bản số 1837/TTg-CN. Ngày 13 tháng 9 năm 2021, Khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3) đã nhận được Quyết định số 2157/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3), tỷ lệ 1/2.000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Công ty TNHH KCN Thăng Long II được công nhận là chủ đầu tư KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3) theo Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 8 tháng 2 năm 2022 về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3), tỉnh Hưng Yên.

KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) được mở rộng về phía Đông của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2). Sau khi KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3) hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành, KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) sẽ sử dụng chung khu nhà điều hành, trạm xử lý nước cấp và các công trình bảo vệ môi trường (trạm xử lý nước thải tập trung, kho chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu giữ bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung) của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) cùng với KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2). Trạm xử lý nước thải tập trung (XLNT TT) hiện hữu có tổng công suất 15.000 m³/ngày.đêm nằm trong khu hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) đã được xây dựng theo đúng báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và đã được xác nhận hoàn thành bởi Bộ tài nguyên và môi trường. Đối với KCN Thăng Long II (giai đoạn 2), theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt cho KCN Thăng Long II (giai đoạn 2), nước thải phát sinh từ KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) là 10.000 m³/ngày.đêm được xử lý cùng với nước thải phát sinh từ KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) tại trạm XLNT TT 15.000 m³/ngày.đêm của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và trạm này sẽ được nâng công suất bổ sung thêm là 10.000 m³/ngày.đêm chia làm 02 đơn nguyên là 5.000 m³/ngày.đêm/đơn nguyên khi công suất xử lý của trạm XLNT TT KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) đạt 70% công suất thiết kế. Tuy nhiên, do hiện nay, lượng nước thải phát sinh từ KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) khoảng 8.000 m³/ngày.đêm tới 9.000 m³/ngày.đêm nên chưa xây dựng bổ sung trạm XLNT TT theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của KCN Thăng Long II (giai đoạn 2).

Tuân thủ nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty TLIPII đã phối hợp với Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà Nội – ECO (ECO) lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

(ĐTM) Dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)” (gọi tắt là Dự án) tại thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Lượng nước thải phát sinh từ KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) là 8.000 m³/ngày.đêm cùng với lượng nước thải phát sinh từ KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2) được xử lý tại trạm XLNT TT hiện hữu 15.000 m³/ngày.đêm nằm trong khu hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và sẽ được nâng công suất bổ sung thêm là 18.000 m³/ngày.đêm (10.000 m³ nước thải của KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) và 8.000 m³ nước thải của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) chia làm 02 đơn nguyên là 9.000 m³/ngày.đêm/đơn nguyên theo lượng nước thải cần xử lý. Như vậy, báo cáo ĐTM được lập cho Dự án có tổng diện tích 525,7 ha gồm 219,6 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và 125,6 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) và 180,5 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) nằm trên địa bàn huyện Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Là dự án hạ tầng khu công nghiệp thuộc nhóm A theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và là dự án đầu tư nhóm I quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường thuộc phụ lục III Nghị định 08/2022/NĐ-CP nên căn cứ theo điều 35 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, báo cáo ĐTM Dự án sẽ được trình Bộ tài nguyên và môi trường thẩm định và phê duyệt.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Theo điều 31 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 26 tháng 11 năm 2014, chủ trương đầu tư Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3) đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư số 166/QĐ-TTg ngày 8 tháng 2 năm 2022.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

Khu công nghiệp Thăng Long II (giai đoạn 3) thuộc xã Xuân Dục, Hưng Long và các phường Dị Sử, Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên có ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp Khu công nghiệp Thăng Long II - Giai đoạn 2, đất sản xuất nông nghiệp và nghĩa trang nhân dân phường Phùng Chí Kiên.
- Phía Nam: giáp đất sản xuất nông nghiệp xã Hưng Long và phường Dị Sử; giáp nghĩa trang nhân dân xã Hưng Long và nhà máy Việt Hào; giáp đường quy hoạch 69m. giáp đường quy hoạch 69m.
- Phía Đông: giáp đường tỉnh 387, nhà máy Đài Việt và Công ty giống lợn miền Bắc.
- Phía Tây: giáp kênh Hồ Chí Minh, kênh Trần Thành Ngọ, đường quy hoạch

24m và ranh giới TLIPII – Giai đoạn 2.

Dự án có mối quan hệ với các dự án khác, các quy hoạch có liên quan trong vùng là:

▪ **Mối quan hệ của Dự án với Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020**

Dự án phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 theo Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính Phủ và Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 13/12/2010:

-Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, hiện đại và phát triển có chọn lọc trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp phụ trợ, bảo đảm có giá trị gia tăng cao; xây dựng các trung tâm công nghiệp công nghệ cao gắn với các ngành nông nghiệp và dịch vụ của địa phương trên cơ sở quy hoạch công nghiệp của cả vùng;

-Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm hoàn thiện đồng bộ và có chất lượng hạ tầng của khu công nghiệp; gắn kết chặt chẽ với phát triển tiêu thụ công nghiệp, làng nghề và dịch vụ, du lịch; điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch hệ thống khu, cụm công nghiệp, bảo đảm đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ sở dạy nghề và các công trình hạ tầng xã hội. Đồng thời tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên các nhà đầu tư có năng lực và công nghệ cao

▪ **Mối quan hệ của Dự án với Quy hoạch sử dụng đất**

○ Dự án phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt:

- Tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020), chỉ tiêu đất phát triển KCN tỉnh Hưng Yên là 4.882 ha. Hiện nay đã 10 KCN đã đưa vào quy hoạch phát triển các KCN của tỉnh đến năm 2020, với diện tích là 2.481,45 ha

-Theo đề án quy hoạch KCN và đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt và đã được các Bộ ngành thẩm định, trong đó tại Báo cáo số 830/UBND-TH ngày 15/4/2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Hưng Yên đã đề xuất ưu tiên bổ sung 03 KCN thuộc quy hoạch KCN và đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt với tổng quy mô diện tích đất KCN Là 566,64 ha

- Khi KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) được mở rộng với diện tích 180,5 ha, diện tích đất phát triển của KCN tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 là 3.489,59 ha,

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

đảm bảo nằm trong chỉ tiêu sử dụng đất phát triển KCN đến năm 2020 của tỉnh Hưng Yên đã được Chính phủ phê duyệt (4.882 ha).

- Ban thường vụ tỉnh ủy Hưng Yên đã đồng ý chủ trương mở rộng KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) tại văn bản số 1831-TB/TU ngày 18/10/2019.

- KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) mở rộng với diện tích 180,5 ha đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch KCN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 tại văn bản số 1837/TTg-CN ngày 25/12/2020.

○ Sự phù hợp của Dự án đối với việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa

- Tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020), tổng diện tích đất trồng lúa được phép chuyển sang đất phi nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2016-2020 là 8.604,08 ha. Hiện nay, diện tích đất trồng lúa đã chuyển đổi tính đến thời điểm hiện tại là 289,08 ha, còn lại là 8.315 ha.

- Theo số liệu khảo sát, tổng diện tích đất trồng lúa dự kiến chuyển đổi sang đất KCN của KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3) khoảng 133 ha, đảm bảo nằm trong chỉ tiêu đất trồng lúa còn lại nêu trên:

+ Diện tích đất trồng lúa dự kiến chuyển đổi để thực hiện KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) là đất trồng lúa 2 vụ. Theo số liệu thống kê, năng suất bình quân tại khu vực dự kiến mở rộng KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) là 60,56 tạ/ha, thấp hơn bình quân chung của thị xã Mỹ Hào là 61,5 tạ/ha. Như vậy, năng suất lúa tại khu vực thực hiện Dự án Mở rộng KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) thấp hơn bình quân chung của thị xã và thấp hơn bình quân chung của cả tỉnh Hưng Yên (64,06 tạ/ha).

+ Căn cứ vào số liệu năng suất lúa bình quân tại khu vực thực hiện Dự án, sản lượng lúa của tỉnh Hưng Yên sẽ bị giảm đi là 1.914 tấn lúa, chiếm tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 0,47%) so với sản lượng lúa của tỉnh Hưng Yên (sản lượng lúa năm 2019 tỉnh Hưng Yên là 403.453 tấn).

▪ **Mối quan hệ của Dự án với Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 17/2/2012 về Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, khu đất thực hiện Dự án là đất phát triển Khu công nghiệp tập trung, phù hợp với quy hoạch vùng tỉnh Hưng Yên:

○ Tại mục 6.1. Định hướng phát triển không gian đô thị:

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

Phát triển đô thị Mỹ Hào thành trung tâm kinh tế, tài chính của tiểu vùng và của tỉnh, kết nối với đô thị Hà Nội, Hải Dương và khu vực lân cận. Định hướng phát triển về 2 phía quốc lộ 5, phía Đông, phía Tây quốc lộ 39 kéo dài (hướng đi tỉnh lộ 282 của Bắc Ninh) đến quốc lộ 38.

○ Tại mục 7. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế:

Các khu công nghiệp tập trung chủ yếu ở phía Bắc và phía Đông Bắc tỉnh Hưng Yên, thuộc các huyện: Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Giang, Khoái Châu và Ân Thi. Một số khu công nghiệp được bố trí ở các huyện Kim Động và Tiên Lữ nhằm khai thác thêm các yếu tố thuận lợi tại khu vực và đáp ứng nhu cầu giải quyết việc làm cho lao động của các vùng này.

○ Tại mục 9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Định hướng phát triển hệ thống giao thông “Kết hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đề xuất hướng tuyến dọc theo quốc lộ 39, điểm đầu tuyến tại ga Lạc Đạo (huyện Văn Lâm), qua đô thị Mỹ Hào, đô thị Bô Thời - Dân Tiến, điểm cuối tuyến tại thành phố Hưng Yên theo quy hoạch của Bộ Giao thông Vận tải”

- Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

+ Nguồn nước ngầm cho các khu vực: huyện Văn Lâm, Văn Giang, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Khoái Châu có quy mô khai thác lớn.

+ Định hướng phát triển hệ thống cấp nước sạch chung của tỉnh theo hai giai đoạn: đến năm 2030 xây dựng mạng liên vùng và mạng cục bộ. Mạng liên vùng được xây dựng cho vùng đô thị lớn như thành phố Hưng Yên, đô thị Mỹ Hào, Văn Giang, Văn Lâm, Bô Thời - Dân Tiến... Mạng cục bộ được xây dựng tại các thị trấn huyện lỵ, các khu công nghiệp không tập trung và các khu vực nông thôn theo hệ thống khác nhau với hình thức cải tạo hoặc xây dựng mới; đến năm 2050 sẽ xây dựng mạng cấp nước liên vùng kết nối hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh.

▪ **Mối quan hệ của Dự án với Quy hoạch cụm công nghiệp:**

Theo quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 16/2/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên và Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên, phạm vi thực hiện Dự án không chồng lấn với vị trí quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt.

▪ **Mối quan hệ của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) với KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2)**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

-KCN Thăng Long II (Giai đoạn 3) tiếp giáp với KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) về phía Tây và phía Bắc. KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 &2&3) đều do Công ty TNHH KCN Thăng Long II làm chủ đầu tư.

-KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) được triển khai xây dựng từ tháng 8 năm 2007. Đến nay, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được xây dựng hoàn thành đồng bộ, hiện đại. Hiện nay, tỷ lệ lấp đầy của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) là 100% với 56 doanh nghiệp đang hoạt động.

- KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) tiếp giáp với KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) về phía Đông, được triển khai xây dựng từ năm 2012. Bắt đầu thu hút đầu tư từ tháng 12 năm 2014, đến nay tỷ lệ lấp đầy đạt 100% với 20 doanh nghiệp đang hoạt động.

- KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) đã và đang sử dụng chung hệ thống điều hành quản lý với KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) (đều do Công ty TNHH KCN Thăng Long II điều hành quản lý) và sử dụng chung trạm xử lý nước cấp, các công trình bảo vệ môi trường được đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) gồm như trạm xử lý nước thải tập trung, kho lưu giữ chất thải nguy hại, khu vực lưu giữ bùn thải

- KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3) sau khi xây dựng xong, đi vào vận hành cũng sẽ được điều hành, quản lý bởi Công ty TNHH KCN Thăng Long II và sử dụng chung trạm xử lý nước cấp, các công trình bảo vệ môi trường được đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) gồm trạm xử lý nước thải tập trung, kho lưu giữ chất thải nguy hại, khu vực lưu giữ bùn thải. Khả năng cung cấp nước của trạm XLNC và xử lý nước thải của trạm XLNT TT khi được sử dụng chung cho KCN Thăng Long II (giai đoạn 1&2&3) được làm rõ tại chương 1, chương 3 báo cáo.

2.Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

▪ Văn bản pháp luật và kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án:“Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)” tại huyện Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên được lập trên cơ sở các văn bản pháp lý hiện hành sau đây :

(a)Luật

- Luật bảo vệ Môi trường Việt Nam số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 8;

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9;
- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9;
- Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 5;
- Luật phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 của Quốc Hội;
- Luật số 40/2013/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Luật khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23/11/2015;
- Luật hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 21/11/2007 quy định về hoạt động hóa chất, an toàn trong hoạt động hóa chất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất, quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất;
- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khoá XIII, thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 4.
- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

(b) Nghị định

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải;

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 79/2014/NĐ – CP của Chính phủ ngày 31 / 07 / 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của PCCC và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật PCCC;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 9/10/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- Nghị định số 09/VBHN-BCT ngày 9/3/2020 của Bộ công thương Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động;
- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

(c) Thông tư:

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 20/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 / 04 / 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Thông tư số 07/2010/BXD ngày 28 /7 /2010 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn cháy cho nhà và công trình;
- Thông tư 47/2011/TT-BTNMT ngày 23/12/2011 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

- Thông tư 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Thông tư 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư 02/2018/TT-BXD ngày 6/2/2018 của Bộ xây dựng về việc Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.
- Thông tư số 08/2017/TT-BXD về quản lý chất thải rắn xây dựng.
- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy

(d) Quyết định

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 chỉ tiêu vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc, 07 thông số vệ sinh lao động;
- Quyết định 27/2010/QĐ-TTg ngày 6/7/2010 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

(e) Quy chuẩn

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- QCĐP 02:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp
- QCVN 26: 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- Quy chuẩn 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng

▪ Các văn bản pháp lý của các cấp có thẩm quyền về Dự án

Các văn bản pháp lý của các cấp có thẩm quyền về Dự án được tổng hợp tại bảng dưới đây:

Bảng 0.1. Văn bản pháp lý về Dự án

TT	Nội dung
A	Văn bản pháp lý chung
1	Giấy chứng nhận (GCN) đầu tư số 052 02 2 000 007 lần đầu ngày 17/11/2006 và thay đổi lần thứ 8 ngày 10/9/2014 do BQL KCN tỉnh Hưng Yên cấp
2	Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ 10 nội dung đăng ký kinh doanh của Giấy chứng nhận Đầu tư) ngày 26/12/2019 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp
B	Văn bản pháp lý về Dự án
1	Văn bản số 1837/TTg-CN ngày 25/12/2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc bổ sung quy hoạch mở rộng khu công nghiệp Thăng Long II (giai đoạn 3) và khu công nghiệp Yên Mỹ II vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020
2	Văn bản số 1831-TB/TU ngày 18/10/2019 về việc mở rộng KCN Thăng Long II
3	Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3), tỷ lệ 1/2.000
4	Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 8 tháng 2 năm 2022 về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3), tỉnh Hưng Yên
5	Biên bản làm việc về việc thống nhất chỉ tiêu kỹ thuật công trình thủy lợi và đầu nối thoát nước của Dự án ngày 26/5/2021
C	Văn bản pháp lý về môi trường của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) (KCN Thăng Long II giai đoạn 3 sẽ sử dụng chung trạm XLNC và các công trình bảo vệ môi trường (trạm XLNT TT, kho lưu giữ CTNH) với KCN Thăng Long

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

	II (giai đoạn 1 và 2)
1	<i>Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM</i>
	Quyết định số 1136/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2007 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long II”
	Quyết định số 1995/QĐ-BTNMT ngày 21/11/2012 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng khu công nghiệp Thăng Long II (giai đoạn 2) huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, hạng mục: Cơ sở hạ tầng”
2	<i>Cấp nước</i>
	Quyết định số 53/QĐ-STNMT ngày 6/2/2015 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Dự án khai thác nước ngầm công suất 39.000 m ³ /ngày.đêm của Công ty TNHH KCN Thăng Long II
	Giấy phép khai thác nước dưới đất số 49/GP-BTNMT ngày 13/1/2014
	Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2821/GP-BTNMT ngày 3/11/2015
3	<i>Thoát nước</i>
	Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 298/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/7/2019 của Tổng cục thủy lợi
4	<i>Chất thải nguy hại</i>
	Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 33.000135.T, cấp lần thứ 3 ngày 25/01/2014 bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên
5	<i>Các giấy xác nhận hoàn thành</i>
	- Giấy xác nhận hoàn thành số 338/TCMT ngày 16/3/2011;
	- Giấy xác nhận hoàn thành số 35/GXN-TCMT ngày 5/4/2016;
	- Giấy xác nhận hoàn thành số 70/TCMT ngày 28/6/2017;
	- Giấy xác nhận hoàn thành số 61/GXN-BTNMT ngày 5/6/2019;
	- Giấy xác nhận hoàn thành số 146/GXN-BTNMT ngày 13/11/2019;
	- Giấy xác nhận hoàn thành số 65/GXN-BTNMT ngày 16/8/2021;

▪ Nguồn tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án lập được sử dụng trong quá trình ĐTM:

- Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) tỷ lệ 1/2000
- Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Thăng Long II (giai đoạn 3) tỷ lệ 1/2000
- Thuyết minh dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)” tại huyện Yên Mỹ, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;
- Quy định nội bộ của Công ty TNHH KCN Thăng Long II;
- Các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2);
- Các báo cáo quản lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH KCN Thăng Long II;
- Công văn số 171/2022/CV-CIV-TLPII ngày 1/6/2022 của Công ty TNHH KCN Thăng Long II xin ý kiến tham vấn tính chính xác của mô hình trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)”;
- Văn bản của Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật thủy lợi đóng góp ý kiến về mô hình;

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

▪ Tổ chức thực hiện

○ Báo cáo ĐTM Dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)” tại huyện Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hào do Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II thực hiện với sự tư vấn của Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà Nội - ECO.

○ Đơn vị tư vấn

- Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà nội - ECO

- Giám đốc: ThS. Lê Thị Thanh Thủy

- Địa chỉ: Số 50, ngõ 23 đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Cùng với sự phối hợp của các đơn vị:

- Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên

- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

- UBND và UBMTTQ xã Xuân Dục
- UBND và UBMTTQ xã Hưng Long
- UBND và UBMTTQ phường Dị Sử
- UBND và UBMTTQ phường Phùng Chí Kiên
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống
- Các nhóm chuyên gia thực hiện theo từng chuyên đề.
- Danh sách những người tham gia lập báo cáo ĐTM được trình bày tại bảng 0.2.

Bảng 0.2. Danh sách những người tham gia lập ĐTM

TT	Họ tên	Học vị	Chuyên môn/ Chức vụ	Cơ quan công tác	Nội dung phụ trách	Chữ ký
I	Chủ đầu tư					
1	Hiroyoshi Masuoka		Tổng giám đốc	Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II	Quản lý	
2	Nguyễn Đức Thắng	KS	Giám đốc	Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II	Thông tin Dự án	
3	Doãn Tuấn Hiệp	KS	Tổng quản lý	Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II	Thông tin Dự án	
4	Nguyễn Tùng Dương	KS	Quản lý dự án	Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II	Thông tin Dự án	
II	Đơn vị tư vấn					
1	Lê Thị Thanh Hải	CN	Quản lý môi trường	Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà Nội- ECO	Tổng hợp báo cáo	
2	Dư Thị Huyền Thanh	K.S	Kỹ thuật môi trường	Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà Nội - ECO	Thực hiện nội dung chương 3, chương 4 của báo cáo	
3	Trương Văn Độ	K.S	Kỹ thuật môi trường	Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà Nội - ECO	Thực hiện nội dung chương 5 và các bản vẽ liên quan	

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

4	Nguyễn Trung Sơn	Th.s	Kỹ thuật môi trường	Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà Nội - ECO	Thực hiện nội dung phần mở đầu, chương 1 của báo cáo	
6	Đỗ Đăng Trung	TS	Môi trường	Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Hà Nội - ECO	Thực hiện nội dung trong chương 3 của báo cáo	

▪ Các bước thực hiện

Báo cáo ĐTM này được thực hiện xây dựng theo các bước sau:

1. Nghiên cứu nội dung báo cáo thuyết minh quy hoạch và thiết kế cơ sở và các tài liệu kỹ thuật, tài liệu pháp lý khác có liên quan;
2. Thu thập các số liệu về kinh tế xã hội, khí hậu, thủy văn và môi trường...có liên quan đến khu vực dự án;
3. Điều tra khảo sát, lấy mẫu phân tích các thành phần môi trường khu vực dự án;
4. Xác định các nguồn gây tác động, đối tượng, quy mô bị tác động, phân tích, đánh giá và dự báo các tác động của dự án tới môi trường;
5. Xây dựng các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của dự án;
6. Xây dựng các công trình xử lý môi trường, chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án;
7. Phân tích số liệu, viết báo cáo theo các lĩnh vực chuyên môn của các chuyên gia;
8. Tập hợp số liệu, xây dựng các chuyên đề;
9. Thực hiện tham vấn chính quyền địa phương (UBND xã Xuân Dục, Hưng Long và các phường Dị Sử, Phùng Chí Kiên) ;
10. Tham vấn cộng đồng chịu tác động trực tiếp (UBND xã Xuân Dục, Hưng Long và các phường Dị Sử, Phùng Chí Kiên) thông qua hình thức họp cộng đồng;
11. Hoàn thiện báo cáo ĐTM để nộp tham vấn thông qua đăng tải;
12. Nộp hồ sơ tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ tài nguyên và môi trường;
13. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo ĐTM trong trường hợp có ý kiến tham vấn thông qua đăng tải.
14. Trình lên cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định và phê duyệt (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
15. Họp hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM của Dự án;

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

16. Chính sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

17. Trình nội dung chính sửa lên Thường trực Hội đồng xem xét và ra Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án.

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Để xây dựng báo cáo, Chúng tôi sử dụng các phương pháp ĐTM và các phương pháp khác chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 0.3. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện ĐTM

TT	Các phương pháp	Mục đích sử dụng	Ghi chú
I Các phương pháp ĐTM			
1	Phương pháp liệt kê	Phương pháp này nhằm chỉ ra các tác động và thống kê đầy đủ các tác động đến môi trường cũng như các yếu tố KT-XH cần chú ý, quan tâm giảm thiểu trong quá trình hoạt động của Dự án	Sử dụng trong chương 3 của báo cáo
2	Phương pháp đánh giá nhanh.	Sử dụng các hệ số về tải lượng các chất ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đối với hoạt động của khu công nghiệp nhằm ước tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải và nước thải để đánh giá các tác động của dự án tới môi trường, cụ thể: + Tính toán tải lượng ô nhiễm phát thải do phương tiện giao thông ra vào KCN. + Tính toán tải lượng các chất gây ô nhiễm từ môi trường nước thải sinh hoạt. Định lượng mức độ phát thải ô nhiễm, nhanh chóng. Chỉ áp dụng cho dự báo về phát thải	Sử dụng trong chương 3 của báo cáo
3	Phương pháp mô hình	+Áp dụng mô hình gause để đánh giá phát tán khí thải trong không khí. + Sử dụng mô hình MIKE 11 để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải sau xử lý của KCN Thăng Long II, Hưng Yên vào kênh Trần Thành Ngọ.	Chương 3
II Các phương pháp khác			
1	Phương pháp nghiên cứu và điều tra khảo sát; lấy mẫu hiện	+ Khảo sát hiện trường là điều bắt buộc khi thực hiện công tác ĐTM để xác định hiện trạng khu đất thực hiện Dự án, các đối tượng lân cận có liên quan, khảo sát để chọn lựa vị trí lấy mẫu, khảo sát hiện trạng cấp nước,	Sử dụng trong chương 1, chương 2 của báo cáo

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

	trường	thoát nước, cấp điện.... + Quá trình khảo sát hiện trường càng tiến hành chính xác và đầy đủ thì quá trình nhận dạng các đối tượng bị tác động cũng như đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động càng chính xác, thực tế và khả thi. + Thực hiện đo và lấy mẫu môi trường không khí, môi trường nước mặt, nước thải phục vụ cho việc phân tích và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án	
2	Phương pháp phân tích và xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm	Được thực hiện theo quy định hiện hành để phân tích các thông số môi trường phục vụ cho việc đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án	Sử dụng trong chương 2 của báo cáo
3	Phương pháp kế thừa	Kế thừa các số liệu từ các báo cáo định kỳ do Chủ đầu tư thực hiện, các báo cáo ĐTM của KCN trong mỗi giai đoạn đã được phê duyệt và báo cáo ĐTM của các Dự án cùng loại để đánh giá tác động tới môi trường do Dự án gây ra như: Kế thừa tính toán lưu lượng nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ dự án.....	Sử dụng trong chương 2, chương 3, của báo cáo
4	Phương pháp phân tích tổng hợp xây dựng báo cáo	Tổng hợp các số liệu thu thập được, so sánh với tiêu chuẩn quy chuẩn Việt Nam. Từ đó đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nền tại khu vực nghiên cứu, dự báo đánh giá và đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động tới môi trường do các hoạt động của dự án	Sử dụng trong chương 2, chương 3 của báo cáo
5	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Được sử dụng trong quá trình tham vấn tại UBND xã Xuân Dục, Hưng Long và các phường Dị Sử, Phùng Chí Kiên	Sử dụng trong chương 5 của báo cáo
6	Phương pháp so sánh	Sử dụng để đánh giá các tác động trên cơ sở so sánh với các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường.	Sử dụng trong chương 2, chương 3 của báo cáo

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1. Thông tin chung

▪ Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)” (Dự án)

- Địa điểm thực hiện Dự án: huyện Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hòa
- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II (Công ty TLIPII)

5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**▪ Quy mô:**

- Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

- Là Dự án hạ tầng khu công nghiệp nên Dự án thuộc nhóm A theo Điều 8 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH 14 ngày 13/6/2019.

- Báo cáo ĐTM được lập cho Dự án có diện tích đất của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1&2) – KCN đã được xây dựng và đi vào vận hành ổn định và KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) – phần KCN xin mở rộng về phía Đông của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2) nên Diện tích sử dụng đất của Dự án là 525,7 ha gồm 219,6 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và 125,6 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) và 180,5 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3). Quy mô diện tích sử dụng đất của Dự án là lớn thuộc điểm c khoản 3 điều 28 Luật bảo vệ môi trường

▪ Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án:

Bảng 0.4. Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

Nội dung	Chi tiết
Nội dung thuộc phạm vi ĐTM của Dự án	<p>*Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động xây dựng các hạng mục trên khu đất 180,5 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3): san nền, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, hồ điều hòa và trồng cây xanh; - Hoạt động đấu nối hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước thải từ khu hạ tầng kỹ thuật hiện hữu nằm trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) với KCN Thăng Long II (giai đoạn 3). - Hoạt động xây dựng trạm XLNT TT công suất 18.000 m³/ngày.đêm gồm 02 đơn nguyên công suất 9.000 m³/ngày.đêm/đơn nguyên; hoạt động xây dựng trạm XLNC công suất 15.000 m³/ngày.đêm gồm 03 đơn nguyên

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

	<p>công suất 5.000 m³/ngày.đêm.</p> <p>*Trong giai đoạn vận hành: Đánh giá tác động đến môi trường khi toàn bộ KCN Thăng Long II (giai đoạn 1, 2 và 3) đi vào hoạt động;</p>
Nội dung không thuộc phạm vi ĐTM của Dự án	<p>-Hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ Dự án (bao gồm cả hoạt động vận chuyển cát từ mỏ cát về điểm chuyển tải cát về san lấp);</p>
	<p>-Hoạt động xây dựng và vận hành của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 2 và 3) (Các doanh nghiệp thứ cấp sẽ thực hiện báo cáo ĐTM hoặc thủ tục môi trường riêng để đánh giá chi tiết các tác động tương ứng với từng ngành nghề sản xuất. Trong phạm vi báo cáo không đánh giá chi tiết đối với các tác động này).</p> <p>- Hoạt động xây dựng các hạng mục đã được xây dựng và phê duyệt báo cáo ĐTM trên diện tích đất của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2).</p> <p>- Hoạt động khai thác nước ngầm trên diện tích đất của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2)</p>

5.1.3. Công nghệ sản xuất

▪ Dự án không trực tiếp sản xuất tạo ra sản phẩm. Chủ đầu tư Dự án sẽ đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp có ngành nghề phù hợp với tính chất của KCN theo phê duyệt thuê đất, hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo ra sản phẩm.

▪ Quy trình vận hành của KCN TLII bao gồm các công việc chính như thu hút các ngành nghề phù hợp với tính chất của KCN đầu tư vào KCN; thu hút lao động (tạo công ăn việc làm cho người lao động) và quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong KCN đảm bảo các cho hoạt động ổn định của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN.

5.1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

▪ Các hạng mục công trình Dự án:

Liệt kê các hạng mục công trình của Dự án được tổng hợp trong bảng dưới đây gồm các hạng mục, công trình đã được xây dựng theo các Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 1136/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2007; số 1995/QĐ-BTNMT ngày 21/11/2012 và các hạng mục, công trình sẽ được xây dựng sau khi báo cáo ĐTM này được phê duyệt.

Bảng 0.5. Liệt kê các hạng mục công trình của KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)

TT	Hạng mục
I	Hạng mục công trình chính
I.1	Cửa KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2) (đã xây dựng hoàn chỉnh)
1	San nền
2	Giao thông
3	Hệ thống cấp nước
4	Mạng lưới cấp điện; điện chiếu sáng
5	Hệ thống thông tin liên lạc
I.2	Cửa KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) (chưa xây dựng)
1	San nền
2	Giao thông
3	Hệ thống cấp nước
4	Mạng lưới cấp điện; điện chiếu sáng
5	Hệ thống thông tin liên lạc
II	Hạng mục công trình phụ trợ
II.1	Cửa KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2) (đã xây dựng)
	13 nhà bảo vệ của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và 04 nhà bảo vệ của KCN Thăng Long II (giai đoạn 2)
II.2	Cửa KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) (chưa xây dựng)
	07 nhà bảo vệ
II.3	Dùng chung
	Đã xây dựng: Nhà điều hành, Nhà điều khiển trạm điện, Nhà điều khiển trạm xử lý nước cấp (WP) và trạm XLNT TT (STP), trạm xử lý nước cấp công suất 24.000 m ³ /ngày.đêm
5	Chưa xây dựng: Trạm xử lý nước cấp công suất 15.000 m ³ /ngày.đêm gồm 03 đơn nguyên công suất 5.000 m ³ /ngày.đêm
III	Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường
III.1	Cửa KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2) (đã xây dựng hoàn chỉnh)
1	Hệ thống thoát nước mưa

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

2	Hệ thống thoát nước thải
3	Cây xanh, mặt nước
4	Bể tự hoại
5	Phòng cháy chữa cháy (PCCC)
III.2	Cửa KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) (chưa xây dựng)
1	Hệ thống thoát nước mưa
2	Hệ thống thoát nước thải
3	Cây xanh, mặt nước
4	Bể tự hoại
5	Phòng cháy chữa cháy (PCCC)
III.3	Công trình dùng chung
1	<p>Đã xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm xử lý nước thải tập trung (STP) tổng công suất 15.000 m³/ngày.đêm gồm 03 đơn nguyên công suất 3.000 m³/ngày.đêm; 6.000 m³/ngày.đêm và 6.000 m³/ngày.đêm - Kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 15 m² - Khu vực lưu giữ bùn thải - Công trình phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải dung tích 66.000 m³
2.	<p>Chưa xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 18.000 m³/ngày.đêm gồm 02 đơn nguyên công suất 9.000 m³/ngày.đêm/đơn nguyên (02 đơn nguyên này có chung hố thu nước thải đầu vào và hố bơm nước thải sau xử lý với 03 đơn nguyên của trạm xử lý nước thải tập trung hiện hữu).

Hoạt động của Dự án:

Hoạt động của Dự án được hiểu là các hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành bao gồm công việc chính như thu hút các ngành nghề phù hợp với tính chất của KCN đầu tư vào KCN; thu hút lao động (tạo công ăn việc làm cho người lao động) và quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong KCN đảm bảo các cho hoạt động ổn định của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN.

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ theo khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, Dự án có chuyển đổi gần 133ha đất trồng lúa nước 02 vụ nên Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

5.2.Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của Dự án được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 0.6. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

TT	Hạng mục Dự án	Hoạt động Dự án	Tác động
I	Giai đoạn chuẩn bị (trên diện tích 180,5 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3))		
1	San nền	Hoạt động phát quang thảm thực vật trong khu vực Dự án; hoạt động di dời mỏ mả	- Bụi, khí thải từ các phương tiện sử dụng để phát quang thảm thực vật và san lấp tạo mặt bằng - Lượng sinh khối phát sinh do phát quang thảm thực vật - Tiếng ồn - Rủi ro về bom mìn, vật liệu nổ
2	San nền	Vận chuyển nguyên vật liệu san nền và máy móc thiết bị phục vụ hoạt động san nền	- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển cát san nền -Nước mưa chảy tràn -Tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị, máy móc trên công trường
II	Giai đoạn xây dựng (trên diện tích 180,5 ha của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3))		
	-Hệ thống cấp nước -Hệ thống giao thông -Hệ thống thu gom, thoát nước mưa -Hệ thống thu gom, thoát nước thải -Hệ thống cấp điện	- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị xây dựng -Tập kết, lưu giữ nguyên vật liệu phục vụ thi công	Tác động tới môi trường nước: - Nước thải sinh hoạt của các công nhân xây dựng trên công trường - Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

	<p>-Hệ thống thông tin liên lạc</p> <p>-Trồng cây xanh</p> <p>-Hệ thống phòng cháy chữa cháy</p>	<p>-Xây dựng các hạng mục của dự án và đấu nối với hệ thống hạ tầng của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và giai đoạn 2) như: hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước</p> <p>-Hoạt động của công nhân tại công trường</p>	<p>- Nước thải thi công</p> <p>Tác động tới môi trường không khí:</p> <p>- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đất, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc</p> <p>Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động xây dựng và máy móc, thiết bị ra vào công trường và hoạt động trên công trường.</p> <p>Tác động bị gây ra bởi chất thải rắn và chất thải nguy hại:</p> <p>-Chất thải rắn sinh hoạt</p> <p>-Chất thải rắn xây dựng</p> <p>-Chất thải nguy hại</p> <p>Tác động tới môi trường kinh tế- xã hội:</p> <p>- Tệ nạn xã hội</p> <p>-Mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng và người dân địa phương</p>
III	Giai đoạn vận hành của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1, 2 và 3)		
1		Hoạt động giao thông ra vào KCN của người lao động, vận chuyển nguyên vật liệu hàng hóa, sản phẩm của các nhà máy thứ cấp	Môi trường không khí: Phát sinh ra bụi, khí thải từ nhiên liệu của các phương tiện giao thông.
2	Toàn bộ hạ tầng đã được xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh trên diện tích 525,7 ha	Hoạt động xây dựng, hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp	<p>- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xây dựng</p> <p>- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản</p>

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

		trong KCN	xuất - Chất thải sinh hoạt - Chất thải công nghiệp thông thường - Chất thải nguy hại - Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất
3		Hoạt động quản lý điều hành KCN	- Chất thải sinh hoạt - Nước thải sinh hoạt - Chất thải nguy hại

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

5.3.1. Các tác động môi trường chính của dự án

▪ Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là điều hành, quản lý hạ tầng kỹ thuật KCN nên hầu như không phát sinh khí thải. Bụi, khí thải phát sinh trực tiếp từ các nhà máy trong KCN sẽ được các nhà máy xử lý bởi các công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường sẽ được phê duyệt trước khi nhà máy xây dựng Dự án.

▪ Nước thải:

○ Nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ tại các nhà máy trong KCN đạt tiêu chuẩn theo nội bộ của Công ty TLIPII, sau đó theo hệ thống thoát nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung được bố trí tại khu hạ tầng kỹ thuật của TLIPII giai đoạn 1 để xử lý đạt QCVN 02:2019/HY-Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp với hệ số $kq=0,9$ và $kf=0,9$ và $khy=0,85$.

○ Nước thải sinh hoạt từ trong khu công nghiệp được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp dẫn đến trạm xử lý nước thải tập trung được bố trí tại khu hạ tầng kỹ thuật của TLIPII giai đoạn 1 để xử lý đạt QCVN 02:2019/HY-Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp với hệ số $kq=0,9$ và $kf=0,9$ và $khy=0,85$.

▪ Chất thải rắn:

○ Công ty chịu trách nhiệm đối với chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý, điều hành KCN.

○ Mỗi nhà máy trong KCN chịu trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và chịu trách nhiệm thu gom, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

5.3.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

(1) Quy mô và tính chất nước thải

■Giai đoạn san lấp và thi công xây dựng các hạng mục Dự án

- Nước thải sinh hoạt: trong giai đoạn san lấp mặt bằng và giai đoạn xây dựng, hoạt động của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt lần lượt là 4 m³/ngày.đêm và 16 m³/ngày.đêm. Thành phần của nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng xe, máy móc, thiết bị thi công dự tính khoảng 8 m³/ngày. Thành phần nước thải có chứa dầu mỡ và chất rắn lơ lửng.

■Giai đoạn vận hành Dự án

- Nước thải sinh hoạt: tổng lượng nước thải sinh hoạt của công nhân, cán bộ và khách đến làm việc tại KCN khoảng 4.126 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt phát sinh chứa các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học như cacbon hydrat, protein, mỡ, chất dinh dưỡng (phốt pho, nito), chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh...

- Nước thải công nghiệp: mỗi ngành công nghiệp thu hút đầu tư tại Dự án có đặc trưng, tính chất nước thải khác nhau. Tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất công nghiệp của Dự án khoảng 28.874 m³/ngày.đêm.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Dự án: lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn trong khu vực Dự án khoảng 21,69 m³/s. Chất ô nhiễm trong nước mưa bao gồm các chất lơ lửng, dầu mỡ và các tạp chất khác.

(2)Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

■Giai đoạn san lấp và thi công xây dựng các hạng mục Dự án

Khí thải, bụi phát sinh từ các hoạt động san gạt, đào đắp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, nạo vét nền đất yếu và phát sinh do phương tiện, máy móc, bao gồm: TSP, SO₂, NO_x, CO, hydrocacbon và VOC.

■Giai đoạn vận hành Dự án

- Hoạt động đốt nhiên liệu sinh ra các chất gây ô nhiễm không khí như: CO, SO₂, NO₂, hydrocacbon, bụi.

- Hoạt động phát sinh bụi, các loại khí thải khác nhau phát sinh từ dây chuyền công nghệ sản xuất của các nhà máy trong KCN tùy theo từng loại hình công nghệ và lĩnh vực ngành nghề.

+ Hoạt động của các trạm xử lý nước thải tại các nhà máy và trạm xử lý nước thải tập trung của KCN tạo ra khí thải và mùi hôi. Sự phát thải này phần lớn là từ quá trình phân hủy kỵ khí, khí thải gồm H₂S, CO₂, CH₄ và các khí khác là sản phẩm của quá trình phân hủy kỵ khí. Trong đó, H₂S là các chất gây mùi hôi chính, CH₄ là chất gây cháy nổ nếu bị tích tụ ở nồng độ nhất định.

(3) Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn san lấp và thi công xây dựng các hạng mục Dự án
 - Chất thải rắn xây dựng thải bỏ phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng ước tính khoảng 17.371,555 (tấn), thành phần chủ yếu là gạch, đá, xi măng, sắt thép, gỗ, giấy....
 - Chất thải rắn từ hoạt động nạo vét đất bề mặt hữu cơ ước tính vào khoảng 445.123,5 m³, thành phần chủ yếu là bùn, đất sét pha.
 - Chất thải rắn sinh hoạt như: chất hữu cơ, bao bì, nylon và các chất dễ phân hủy khoảng 180 kg/ngày.
- Giai đoạn vận hành Dự án
 - Chất thải rắn công nghiệp thông thường không có thành phần nguy hại phát sinh từ các hoạt động sản xuất của các nhà máy xí nghiệp trong KCN. Thành phần những chất thải rắn này phụ thuộc vào từng lĩnh vực, công nghệ sản xuất. Tổng lượng chất thải rắn phát sinh của toàn KCN ước tính khoảng 129,72 tấn/ngày đêm.
 - Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại KCN có thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì, nylon; ước tính khoảng 33,394 tấn/ngày.
 - Bùn thải từ trạm XLNC, trạm XLNT tập trung là một trong những nguồn phát sinh CTR. Lượng bùn khô sinh ra từ trạm XLNC, trạm XLNT tập trung khi xử lý nước ngầm có công suất là 39.000 m³/ngày đêm và nước thải có công suất 33.000 m³/ngày đêm ước tính lần lượt khoảng 9,08 tấn/ngày và 8,33 tấn/ngày. Hiện nay bùn thải phát sinh từ trạm XLNC, trạm XLNT TT được Công ty TLIPII quản lý như đối với chất thải nguy hại.

(4) Quy mô, tính chất của CTNH:

- Giai đoạn san lấp và thi công xây dựng các hạng mục Dự án
 - CTNH gồm: bao bì dính dầu mỡ, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu thải...phát sinh tại giai đoạn san lấp và thi công xây dựng các hạng mục Dự án ước tính khoảng 11,2-15,4 kg/ngày.
 - Ngoài ra còn có dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công trên công trường khoảng 510 lít dầu thải/tháng.

▪Giai đoạn vận hành Dự án

Các hoạt động sản xuất công nghiệp, bảo dưỡng máy móc thiết bị phát sinh các CTNH như: giẻ lau dính dầu mỡ, cặn dầu thải từ các bể tách dầu, ắc quy, đèn huỳnh quang, pin và các loại CTNH khác, ước tính khoảng 17,29 tấn/ngày đêm.

(5) Các tác động môi trường khác (nếu có)

▪ Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái:

- Dự án làm thay đổi cảnh quan khu vực thực hiện Dự án theo hướng tích cực vì khi dự án được triển khai, các hệ thống hạ tầng xung quanh khu vực Dự án như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường cũng được triển khai đầu tư.

- Việc triển khai dự án có gây một số tác động nhất định tới hệ sinh thái khu vực Dự án là điều không tránh khỏi tuy nhiên tác động này xảy ra chính trong giai đoạn xây dựng và được giảm thiểu hiệu quả bằng các biện pháp quản lý trong quá trình xây dựng.

▪ Tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư

- Đất nông nghiệp (132,0349ha), đất trồng cây lâu năm (0,4621 ha), đất mặt nước, nuôi trồng thủy sản (13,8114ha)..... sẽ được chuyển đổi mục đích sử dụng khi triển khai thực hiện KCN Thăng Long II (giai đoạn 3). Diện tích chuyển đổi này nằm trong tổng diện tích đất trồng lúa được phép chuyển sang đất phi nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên. Việc chuyển đổi sẽ làm thay đổi cơ cấu nghề nghiệp của người dân địa phương, có thể dẫn đến những tác động tiêu cực khác nếu việc bồi thường giải phóng mặt bằng không được thực hiện nghiêm túc, người dân không có ý thức sau khi nhận tiền đền bù.

- Khoảng 17 ngôi mộ sẽ được di dời .

- Các hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời mồ mả, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sẽ được chủ trì, thực hiện bởi các cơ quan chức năng của Địa phương.

(6) Tác động của Dự án đối với KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2)

Hoạt động xây dựng nhằm đấu nối hệ thống cấp điện, cấp nước và thoát nước với khu hạ tầng kỹ thuật nằm trên đất của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1); hoạt động xây dựng trạm XLNT công suất 18.000 m³/ngày.đêm và trạm xử lý nước cấp công suất 15.000 m³/ngày.đêm trên khu đất hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) sẽ gây ảnh hưởng tới hoạt động của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2), cụ thể tới hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu cho sản xuất hay sản phẩm của các nhà máy lân cận như Công ty Mitsuba, Daikin, Nestle, Sews Component. Tuy nhiên, tác động này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, đồng thời Chủ đầu tư sẽ có những biện pháp tổ chức thi công hợp lý nên những tác động này được đánh giá là chấp nhận được

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án***5.4.1. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khí***

Mỗi nhà máy chịu trách nhiệm đầu tư, vận hành và giám sát công trình, biện pháp bảo vệ đối với môi trường khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy mình theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường sẽ được phê duyệt trước khi nhà máy xây dựng Dự án.

5.4.2. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nước

(1) Hệ thống thu gom, thoát nước:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng rẽ với hệ thống thu gom, thoát nước thải

(2) Bể tự hoại:

- Sử dụng các bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà bảo vệ.

- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau: Nước thải sinh hoạt từ các nhà bảo vệ → Ngăn 1 (Điều hòa, lắng, phân hủy sinh học) → Ngăn 2 (Lắng, phân hủy sinh học) → Ngăn 3 (Lọc) → Đổ xả vào hệ thống thu gom của Trạm XL NTTT.

(3) Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) sẽ được xử lý cùng với nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và KCN Thăng Long II (giai đoạn 2) tại trạm XLNT TT đặt trong khu hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1).

- Hiện nay trạm XLNT TT đã được xây dựng gồm 03 đơn nguyên có tổng công suất là 15.000 m³/ngày.đêm. Trạm XLNT TT này sẽ tiếp tục được nâng công suất bổ sung thêm 18.000 m³/ngày.đêm căn cứ vào lưu lượng nước thải cần xử lý.

- Quy trình công nghệ sẽ được đầu tư xây dựng bổ sung giống công nghệ xử lý nước thải của đơn nguyên 3 hiện hữu: Nước thải → Hồ bơm (hồ thu nước thải đầu vào hiện hữu) → bể lắng cát → bể điều hòa → bể điều chỉnh pH → bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể tiêu bùn 1&2 → Bể trộn → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ bơm nước thải sau xử lý hiện hữu → Kênh Trần Thành Ngọ

5.4.3. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường bị gây ra bởi chất thải rắn

- Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong KCN các nhà máy tự hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động quản lý điều hành của Công ty được Công ty tự thu gom vào các thùng rác có nắp đậy tại các vị trí quy định để chứa

rác thải phát sinh hàng ngày và định kỳ được đơn vị có chức năng đến vận chuyển, xử lý.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý điều hành của KCN được thu gom, lưu giữ tại kho lưu chứa chất thải nguy hại hiện hữu được xây dựng trong khu hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) và định kỳ được đơn vị có chức năng đến vận chuyển, xử lý.

5.4.4. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường đối với chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong KCN các đơn vị tự hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ Công ty:

+ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom chất thải nguy hại theo đúng quy định.

+ Lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động điều hành, quản lý tại nhà chứa chất thải nguy hại nằm trong khu đất hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1).

5.4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Công ty đã có công trình, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường nước thải theo quy định của pháp luật, xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường nước thải

4.2.1. Công trình phòng ngừa ứng phó sự cố

-Dự án sử dụng công trình phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải của KCN Thăng Long II đã được xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận hoàn thành số 65/GXN-BTNMT ngày 16/8/2021.

-Công trình phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải là hồ sự cố có thông tin cơ bản như sau:

+ Dung tích chứa nước lớn nhất là 66.000 m³

+ Đáy hồ được xây gồm 4 lớp gồm lớp đất tự nhiên, lớp phen nứa chống lầy, lớp vải nhựa PVC và lớp bê tông M200, dày 150 mm

4.2.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố

-Phương án phòng ngừa: Trạm xử lý nước thải tập trung đã được xây dựng thành các đơn nguyên (module) hoạt động độc lập, có sự liên kết bằng bể thu gom đầu vào để hỗ trợ xử lý trong trường hợp một trong các module xử lý nước thải gặp sự cố; các thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung đều có thiết bị dự phòng; cửa xả nước thải ra ngoài môi trường đều có cửa chặn để có thể ngăn chặn kịp thời sự cố. Trường hợp phát hiện sự cố nước thải không đạt TLII sẽ ngay lập

tức đóng cửa xả nước thải ra ngoài môi trường; quy trình vận hành kiểm soát chất lượng xả thải của các doanh nghiệp trong KCN được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ; đã xây dựng công trình phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải là hồ sự cố có dung tích chứa nước lớn nhất là 66.000 m³.

-Phương án ứng phó:

+Trường hợp 01 đơn nguyên trạm xử lý nước thải gặp sự cố, các đơn nguyên khác hoạt động bình thường: nước thải từ đơn nguyên gặp sự cố được đưa về hố gom nước thải đầu vào để xử lý lại tại 02 đơn nguyên còn lại theo mương thoát thoát nước sự cố B600 và đường ống dẫn nước thải sự cố FRPD400 đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thoát ra môi trường

+Trong trường hợp cần thiết nước thải được chuyển về lưu giữ tại hồ sự cố có dung tích chứa nước lớn nhất 66.000 m³ theo đường ống gang dẻo hiện có D300; sau khi khắc phục xong được bơm trở lại bể gom của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý lại theo đường ống gang dẻo hiện có D300 đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thoát ra môi trường.

5.5.Chương trình quản lý, giám sát môi trường của Chủ dự án

Chương trình quản lý và giám sát môi trường Công ty đề xuất sẽ thực hiện như sau:

(1) Trong giai đoạn xây dựng

a. Giám sát nước mặt

- Số điểm giám sát: 02 điểm.

- Vị trí giám sát:

+01 điểm nước mặt trên kênh Hồ Chí Minh đoạn qua KCN Thăng Long II (giai đoạn 3)

+01 điểm nước mặt trên kênh Trần Thành Ngọ đoạn qua KCN Thăng Long II (giai đoạn 3)

- Thông số giám sát: pH, COD, DO, BOD₅, TSS, NO₂, NO₃, NH₄⁺, F⁻, H₂S, Fe tổng, As, Hg, Zn, Cu, Pb, Cd, dầu mỡ khoáng, Coliform

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: cột B1, QCVN 08:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

b. Giám sát môi trường không khí

- Số điểm giám sát: 03 điểm.

- Vị trí giám sát:

+ Gần nghĩa trang Phường Phùng Chí Kiên tiếp giáp Dự án về phía Bắc

+ Trên đường tỉnh 387 gần nhà máy Đại Việt tiếp giáp Dự án về phía Đông

+ Trên đường giao thông nội bộ của thôn Đông Thanh, xã Hưng Long tiếp giáp Dự án về phía Nam

- Thông số giám sát: Bụi, NO_x, SO₂, CO, ồn, rung
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn xây dựng Dự án.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

c. Giám sát khác

- Giám sát chất thải rắn tại khu vực lán trại trong quá trình thi công
- Giám sát chất lượng bùn vét hữu cơ.

(2) Trong giai đoạn vận hành

- KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) sử dụng chung bộ phận điều hành quản lý với KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 &2), sử dụng chung trạm xử lý nước thải tập trung đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1). Nước thải phát sinh từ KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) sau xử lý tại trạm này sẽ cùng chảy vào hệ thống mương dẫn với nước thải sau xử lý của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 &2) đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi chảy vào kênh Trần Thành Ngọ tại 01 điểm. Chính vì vậy, chương trình quan trắc trong giai đoạn vận hành thương mại của KCN Thăng Long II (giai đoạn 3) là chương trình quan trắc hiện nay Công ty TNHH KCN Thăng Long II đã và đang thực hiện.

- Căn cứ vào loại hình của Dự án và theo hướng dẫn mẫu số 04 của Phụ lục II, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Dự án không phải quan trắc môi trường không khí xung quanh. Mặt khác, trong suốt thời gian hoạt động của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2), Công ty vẫn luôn thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí định kỳ, kết quả chỉ ra rằng chất lượng môi trường không khí xung quanh tại các vị trí được quan trắc có giá trị thấp hơn giá trị giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT. Vì vậy, Công ty đề xuất lược bỏ chương trình quan trắc môi trường không khí xung quanh trong chương trình quan trắc hiện nay.

- Chương trình giám sát môi trường của Công ty TNHH KCN Thăng Long II như sau:

(1) Quan trắc nước thải tự động liên tục:

- Thông số quan trắc gồm: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH (nhiệt độ), COD, TSS, độ màu, amoni, Tổng nito, Tổng photpho.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KCN THĂNG LONG II MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 3)

- Vị trí lắp đặt: Điểm xả nước thải sau HTXLNTTT của KCN Thăng Long II trước khi thải vào hồ chứa nước thải sau xử lý.

(2) Giám sát nước thải:

(2.1). Nước thải trước xử lý:

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD5, As, Hg, Pb, Cd, Crom (VI), Crom (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng Xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Clorua, Clo dư, Coliform, COD, TSS, độ màu, amoni (tính theo N), Tổng nito và Tổng photpho (tính theo P).

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu vào HTXLNTTT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn nội bộ của Công ty TNHH KCN Thăng Long II

(2.2). Nước thải sau xử lý:

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD5, As, Hg, Pb, Cd, Crom (VI), Crom (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng Xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Clorua, Clo dư, Coliform, COD, TSS, độ màu, amoni (tính theo N), Tổng nito và Tổng photpho (tính theo P).

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra của HTXLNTTT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/HY-Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp với hệ số $kq=0,9$ và $kf=0,9$ và $khy=0,85$

Mục lục

1. Xuất xứ của dự án.....	1
1.1. Thông tin chung về Dự án.....	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư	3
1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.....	3
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM.....	7
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	13
4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	16
5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM.....	17
5.1. Thông tin về dự án.....	17
5.1.1. Thông tin chung	17
5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất	18
5.1.3. Công nghệ sản xuất.....	19
5.1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án.....	19
5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường	21
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	22
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án.....	24
5.3.1. Các tác động môi trường chính của dự án.....	24
5.3.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án	24
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	27
5.4.1. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khí.....	27
5.4.2. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nước.....	28
5.4.3. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường bị gây ra bởi chất thải rắn	28
5.4.4. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường đối với chất thải nguy hại	29
5.4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	29
5.5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường của Chủ dự án	30

Danh mục các bảng

Bảng 0.1. Văn bản pháp lý về Dự án.....	11
Bảng 0.2. Danh sách những người tham gia lập ĐTM	14
Bảng 0.3. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện ĐTM	16
Bảng 0.4. Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	18
Bảng 0.5. Liệt kê các hạng mục công trình của KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3).....	20
Bảng 0.6. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường.....	22